

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY - ĐỢT XÉT TUYỂN BỔ SUNG LẦN 1 - NĂM 2017

(Điểm trúng tuyển đại học hệ chính quy đợt xét tuyển bổ sung lần 1 - năm 2017 theo Quyết định số 430 /QĐ-ĐHGTVT-HĐTS, ngày 16 tháng 8 năm 2017)

STT	Mã vạch	SBD	Họ tên	Số CMND	Ngày sinh	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành/chuyên ngành trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
1	139192930690	02042916	Nguyễn Thanh Duy	025904735	24/07/1999	52840106101H	Khoa học Hàng hải: Điều khiển tàu biển	19.5
2	139424610738	04009411	Lê Cao Thành	201779463	29/04/1999	52840106101H	Khoa học Hàng hải: Điều khiển tàu biển	19.25
3	136518769866	49011615	Lê Tấn Đức	301688851	06/09/1999	52840106101H	Khoa học Hàng hải: Điều khiển tàu biển	19
4	135067741478	39006798	Phan Huy Tuệ Chinh	221476405	10/05/1999	52840106101H	Khoa học Hàng hải: Điều khiển tàu biển	18.75
5	139699759132	50011725	Nguyễn Trung Nam	341976956	10/04/1999	52840106101H	Khoa học Hàng hải: Điều khiển tàu biển	17.75
6	142928969742	39004171	Phạm Tùng Lâm	221480049	09/09/1999	52840106101H	Khoa học Hàng hải: Điều khiển tàu biển	17.5
7	133475686006	02009745	Quan Bích Vân	025864021	03/03/1999	52840106101H	Khoa học Hàng hải: Điều khiển tàu biển	17.5
8	138890305974	49006589	Nguyễn Vũ Hoàng Duy	301677605	02/02/1999	52840106101H	Khoa học Hàng hải: Điều khiển tàu biển	16
9	139047605678	36002680	Trần Thế Trung	233287897	18/10/1999	52840106101H	Khoa học Hàng hải: Điều khiển tàu biển	17.75
10	133354882608	40010982	Nguyễn Cảnh Thanh	241712762	27/09/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	27.5
11	141019685484	42010553	Phạm Diễm Phúc	251166756	21/05/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	26.25
12	140327822112	34009746	Nguyễn Thị Kim Tuyền	206108434	16/05/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	24.5
13	140673842022	52007346	Phan Lê Vy Trâm	273678429	01/07/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	24
14	138543226104	37002060	Võ Thanh Trúc	215479942	18/09/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	24
15	139995137238	02025044	Trương Kim Tấn Lộc	026042205	14/12/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	24
16	145192372578	42004957	Lâm Quốc Bảo	251171295	18/03/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	24
17	140670098124	52007105	Phan Lê Vy Ngân	273678428	01/07/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	23.75
18	144052353368	35004352	Trần Thị Kim Ngân	212587830	04/03/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	23.75
19	136982552614	26015182	Lê Ngọc Đăng	152220773	04/10/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	23.5
20	140868502726	45005312	Nguyễn Thị Lệ Khương	264504005	19/11/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	23.25
21	141358726078	54007317	Bùi Kim Yên	371933681	22/03/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	23
22	142627172990	42011193	Thân Vĩnh Tiến	251173057	01/06/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	23
23	143184852526	34003602	Lê Thị Thu Sương	206296649	19/01/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	23
24	136516955670	40014629	Vũ Văn Hoài Nam	241819701	07/06/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	22.75
25	138488196006	47005451	Ngô Võ Minh Nguyệt	261573805	03/11/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	22.75
26	138444405280	53012232	Lê Tuấn An	312402106	09/11/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	22.5
27	148150766898	48007350	Lê Thụy Ngọc Quyên	272724015	27/01/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	22.5
28	135350175516	43002030	Phan Thị Thu Trang	285650900	06/07/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	22.25
29	136504629920	48001200	Trần Ngọc Bảo Ngân	272735498	09/03/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	22.25
30	142908660956	30006316	Phạm Thị Minh Phụng	184371652	12/10/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	22.25
31	140431665148	25017248	Nguyễn Thị Quế Anh	036199005900	20/11/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	22.25
32	139114586440	58002709	Lâm Trần Bảo Quyên	334953926	16/12/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	22

STT	Mã vạch	SBD	Họ tên	Số CMND	Ngày sinh	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành/chuyên ngành trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
33	145515024702	41003751	Nguyễn Nhật Minh Quân	225716097	04/08/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	22
34	143508324616	50012339	Nguyễn Nhựt Linh	341827070	17/10/1998	52580301H	Kinh tế xây dựng	22
35	135709876470	30016716	Hoàng Thị Trang	184328493	24/12/1998	52580301H	Kinh tế xây dựng	22
36	142631460670	42010962	Nguyễn Đức Hưng	251173945	06/11/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	22
37	148135142474	41005286	Lê Ngọc Bảo Khanh	225598379	30/08/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	22
38	137653961530	51000547	Nguyễn Minh Thông	352479563	02/11/1998	52580301H	Kinh tế xây dựng	22
39	147457039300	50005132	Trần Trung Kiên	341980720	15/07/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	21.75
40	133811461982	41002787	Trần Phương Như Việt Trâm	225766729	09/04/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	21.5
41	145634059726	37005171	Phạm Đắc Thiện	215455641	25/06/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	21.25
42	137695454092	52003955	Đặng Thị Cẩm Tú	273648796	12/02/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	21.25
43	138386201768	43003964	Lê Phú Mạnh	285783974	15/08/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	21
44	144363961716	42008026	Phạm Việt Khánh	251103368	12/01/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	21
45	138366231436	63000016	Nguyễn Thị Vân Anh	245349828	26/03/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	21
46	135851339454	48025360	Lê Ngọc Thủy Tiên	272708721	25/10/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	20.75
47	136413198034	42006065	Nguyễn Thị Hằng	251235295	23/06/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	20.5
48	133584139796	39009805	Nguyễn Thị Thanh Nhân	221462856	28/04/1998	52580301H	Kinh tế xây dựng	20.5
49	135615733194	37003066	Trần Duy Toàn	215459755	27/04/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	20.5
50	135838540278	35006591	Phan Thanh Hiền	212432517	11/01/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	20.25
51	141645603388	39004241	Đặng Quốc Quảng	221480140	23/04/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	20.25
52	144146402398	54009132	Nguyễn Đức Thiện	371901961	07/11/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	20.25
53	139096873784	53011384	Phan Thị Long Hà	312388150	21/02/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	20
54	136545502242	35002165	Phan Ngọc Thành	212486343	15/01/1998	52580301H	Kinh tế xây dựng	20
55	143643123854	29009812	Nguyễn Thị Tú Oanh	187588713	20/11/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	20
56	147788685750	37012115	Nguyễn Sĩ Hùng	215453917	04/06/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	20
57	135000991528	48003708	Ngô Thị Ngọc Châu	272760710	13/12/1998	52580301H	Kinh tế xây dựng	19.75
58	143951509814	02028584	Tạ Quang Thành Long	025936981	12/07/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	19.75
59	147418430816	02003151	Nguyễn Mạnh Cường	079099002610	28/09/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	19.75
60	138939239336	56000453	Nguyễn Quốc Tường	321724158	21/12/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	19.5
61	142241615042	39007087	Nguyễn Huy Hoàng	221478007	27/05/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	19.5
62	135133242454	02046828	Võ Ngọc Yên Nhi	026055693	16/12/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	19.5
63	136575587384	02027328	Phạm Đặng Tuấn Tú	025928406	16/11/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	19.25
64	136546047068	35002246	Đinh Lâm Trường	212489724	12/02/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	19.25
65	140809428188	41009782	Đặng Thị Hương	225685156	04/09/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	19.25
66	142255258240	52003492	Nguyễn Văn Tiến Đức	273687554	03/07/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	19.25
67	134796620874	02060930	Trịnh Thái Sơn	025785299	25/09/1998	52580301H	Kinh tế xây dựng	19
68	138684939976	02037792	Cao Tuấn Anh	025857790	24/03/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	19

STT	Mã vạch	SBD	Họ tên	Số CMND	Ngày sinh	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành/chuyên ngành trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
69	136480295128	02005698	Nguyễn Lê Phương Linh	025801846	09/05/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	18.75
70	133289397172	63002786	Nguyễn Đức Phương	245346424	09/07/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	18.75
71	140764046144	02033431	Đỗ Quang Khải	046099000026	26/09/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	18.5
72	142801857522	37005119	Trần Thị Mỹ Phương	215484623	15/11/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	18.5
73	138271957336	29029802	Nguyễn Sỹ Đạt	187743278	28/08/1999	52580301H	Kinh tế xây dựng	18.5
74	139226143486	52000414	Vũ Đức Toàn	273558217	26/01/1995	52580205H	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	25.75
75	135615032140	37003063	Phạm Đào Văn Tinh	215443628	10/02/1999	52580205H	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	24.25
76	140326699572	52006260	Nguyễn Đức Duy	273629584	14/04/1999	52580205H	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	24
77	137585359692	53005704	Huỳnh Công Thức	312386932	24/07/1999	52580205H	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	23.25
78	135442266004	60001771	Quách Duy Tân	385759040	15/04/1999	52580205H	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	23.25
79	134914402324	02053977	Trần Phương Nam	251081968	28/06/1999	52580205H	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	22.75
80	133658982984	31009335	Nguyễn Việt Dũng	194606694	28/05/1996	52580205H	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	22.5
81	147209004372	39007666	Lâm Dương Quyền	221474808	12/02/1999	52580205H	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	22.25
82	142885600848	35002371	Phạm Trung Chính	212581946	10/06/1999	52580205H	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	21.75
83	144004442024	02016444	Phạm Quốc Bảo	025847046	14/11/1999	52580205H	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	21.5
84	147137615864	47010155	Trương Đình Tuấn	261627094	28/07/1999	52580205H	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	21
85	141536053110	02032875	Lê Nguyễn Minh Huy	025844805	11/02/1999	52580205H	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	20.75
86	138696007210	64004880	Ngô Hoàng Khoa	363931811	10/12/1999	52580205H	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	20.5
87	142337493078	37009462	Trương Đình Rin	215487053	17/12/1999	52580205H	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	20.5
88	133765386018	38012310	Nguyễn Thiện Hoàng	231170671	02/11/1998	52580205H	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	20.25
89	138834895464	47002823	Võ Hà Duy Hoàng	261479542	23/08/1999	52580205H	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	20
90	139226542902	35000439	Phạm Đức Minh	212834757	21/01/1999	52580205H	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	19.75
91	141013291706	02044337	Phan Huỳnh Điều	241821531	03/10/1999	52580205H	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	19.25
92	138030139244	29004375	Nguyễn Phúc Đại	187624572	11/01/1999	52580205H	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	19.25
93	142135804918	54008458	Nguyễn Quang Minh	371913453	31/01/1999	52580205H	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	19
94	142631429398	42010964	Nguyễn Trương Hoài Hưng	251146053	10/03/1999	52580205H	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	19
95	139666091046	03007452	Trần Thị Ngọc Thảo	031989581	05/02/1999	52840106103	Khoa học Hàng hải: Thiết bị năng lượng tàu thủy	23.75
96	133161574894	63003459	Nguyễn Ái Quốc	245367673	07/03/1999	52840106103	Khoa học Hàng hải: Thiết bị năng lượng tàu thủy	23.25
97	136942765154	41001239	Nguyễn Quốc Kha	225820103	28/10/1999	52840106103	Khoa học Hàng hải: Thiết bị năng lượng tàu thủy	21.5
98	144072003354	48009939	Đình Hoàng Giang	272675571	16/03/1999	52840106103	Khoa học Hàng hải: Thiết bị năng lượng tàu thủy	21
99	145617649622	41001523	Nguyễn Tấn Tiến	225822397	29/11/1999	52840106103	Khoa học Hàng hải: Thiết bị năng lượng tàu thủy	20.75
100	144425196680	39010293	Nguyễn Thảo Nguyên	221460518	26/09/1998	52840106103	Khoa học Hàng hải: Thiết bị năng lượng tàu thủy	19
101	140774351642	02050102	Lê Nguyễn Thanh Thảo	025825923	21/11/1999	52840106103	Khoa học Hàng hải: Thiết bị năng lượng tàu thủy	18.25
102	136957596662	02053125	Nguyễn Quốc Vương	025910901	29/09/1999	52840106103	Khoa học Hàng hải: Thiết bị năng lượng tàu thủy	18
103	140668754484	02062355	Võ Minh Quang	025731224	19/01/1998	52840106103	Khoa học Hàng hải: Thiết bị năng lượng tàu thủy	17.75
104	147571510022	52001989	Phan Anh	273641117	15/10/1999	52840106103	Khoa học Hàng hải: Thiết bị năng lượng tàu thủy	17.75

STT	Mã vạch	SBD	Họ tên	Số CMND	Ngày sinh	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành/chuyên ngành trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
105	136477145846	02005872	Nguyễn Tuấn Thành	048099000021	11/01/1999	52840106103	Khoa học Hàng hải: Thiết bị năng lượng tàu thủy	17.25
106	140579246148	28003516	Nguyễn Đức Anh	038099008600	28/10/1999	52840106103	Khoa học Hàng hải: Thiết bị năng lượng tàu thủy	17.25
107	143950641912	02028340	Trần Thị Phương Dung	079199004646	20/05/1999	52840106103	Khoa học Hàng hải: Thiết bị năng lượng tàu thủy	17
108	136957313896	02052022	Nguyễn Quốc Hùng	025910902	29/09/1999	52840106103	Khoa học Hàng hải: Thiết bị năng lượng tàu thủy	16.75
109	133229918864	02027691	Nguyễn Trung Kiên	035099000194	18/10/1999	52840106103	Khoa học Hàng hải: Thiết bị năng lượng tàu thủy	16.5
110	145155606636	30007501	Nguyễn Đức Sỹ	184334644	10/11/1999	52840106103	Khoa học Hàng hải: Thiết bị năng lượng tàu thủy	16
111	147419056952	02003231	Đoàn Minh Hoàng	052099000030	04/08/1999	52840106103	Khoa học Hàng hải: Thiết bị năng lượng tàu thủy	16
112	135674924318	53011365	Lê Vĩnh Đạt	312388657	15/01/1999	52840106103	Khoa học Hàng hải: Thiết bị năng lượng tàu thủy	15.75
113	137825145804	02019397	Đặng Đức Thịnh	272688628	05/03/1999	52840106103	Khoa học Hàng hải: Thiết bị năng lượng tàu thủy	15.5
114	141139392978	41003334	Nguyễn Ngọc Duy	225716639	05/02/1999	52840106102	Khoa học Hàng hải: Vận hành khai thác máy tàu biển	23.25
115	135802414944	43006898	Nguyễn Lê Duy Hoàng	285720634	22/06/1999	52840106102	Khoa học Hàng hải: Vận hành khai thác máy tàu biển	20
116	136130790574	56005740	Nguyễn Anh Minh	321758313	27/11/1999	52840106102	Khoa học Hàng hải: Vận hành khai thác máy tàu biển	19.25
117	143398295352	52002783	Mai Quang Hà	079099002902	06/03/1999	52840106102	Khoa học Hàng hải: Vận hành khai thác máy tàu biển	19
118	135625155542	37007807	Đỗ Anh Châu	215560413	02/12/1999	52840106102	Khoa học Hàng hải: Vận hành khai thác máy tàu biển	17.5
119	137412417060	02025988	Phạm Thị Việt Chinh	001199002824	05/08/1999	52840106102	Khoa học Hàng hải: Vận hành khai thác máy tàu biển	17
120	136974281036	43002492	Trần Văn Chung	285763668	02/07/1999	52840106102	Khoa học Hàng hải: Vận hành khai thác máy tàu biển	17
121	141124843008	39007639	Võ Hữu Quốc	221437042	18/10/1999	52840106102	Khoa học Hàng hải: Vận hành khai thác máy tàu biển	17
122	135099798056	02019074	Nguyễn Vĩnh Hoàng	025973422	20/12/1998	52840106102	Khoa học Hàng hải: Vận hành khai thác máy tàu biển	16.5
123	142091570540	47000806	Dương Võ Thành Danh	261547580	10/07/1999	52840106102	Khoa học Hàng hải: Vận hành khai thác máy tàu biển	16.5
124	139447825890	02001321	Nguyễn Thị Yến Nga	025774807	03/11/1999	52840106102	Khoa học Hàng hải: Vận hành khai thác máy tàu biển	16.25
125	141114333886	52007120	Cao Khôi Nguyên	077098000825	21/03/1998	52840106102	Khoa học Hàng hải: Vận hành khai thác máy tàu biển	16
126	138278147218	42011412	Lê Đăng Ngọc Hải	251049647	20/02/1999	52840106102	Khoa học Hàng hải: Vận hành khai thác máy tàu biển	17.25
127	145933705320	29023371	Nguyễn Thiện Tới	187796814	21/08/1999	52840106102	Khoa học Hàng hải: Vận hành khai thác máy tàu biển	17.25
128	137892127184	37012501	Lê Ngọc Trung	215453570	15/02/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	25.25
129	133367391914	02065776	Phạm Minh Khoa	025455163	22/11/1996	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	24.5
130	133920078080	41012487	Huỳnh Tấn Dũng	225616498	26/08/1998	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	24.25
131	143429665600	52009387	Tăng Thị Ngọc Diễm	273657402	24/07/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	23.25
132	142160309862	39004628	Lê Khánh Kiên	221463837	18/03/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	23
133	138372433640	46007556	Nguyễn Tấn Huỳnh	291176382	02/09/1998	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	23
134	144079336076	40015212	Đỗ Vũ Nguyên Ân	241800660	17/11/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	22.75
135	135700224658	28015296	Hoàng Đình Tuấn	174737383	19/09/1997	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	22.5
136	141477364498	30007062	Nguyễn Duy Đạo	184377207	22/10/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	21.75
137	144142361306	26018643	Bùi Xuân Hoàn	034099002227	12/01/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	21.5
138	135232395532	37014742	Nguyễn Thanh Toàn	215540436	24/04/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	21.5
139	147154680806	47007098	Nguyễn Đức Ngô Sơn	261488157	16/10/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	21.5
140	135486568924	43005352	Lê Đức Cảnh	285572828	10/01/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	21.5

STT	Mã vạch	SBD	Họ tên	Số CMND	Ngày sinh	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành/chuyên ngành trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
141	138430738374	42002007	Đặng Minh Hoàng	215485965	01/12/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	21.25
142	144189046370	02032350	Trương Tâm Quốc	273695239	21/06/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	21.25
143	144854292784	02069763	Hoàng Văn Sơn	025715898	01/09/1998	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	21.25
144	133547524398	02029586	Lê Thanh Nhật	025858001	31/10/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	21
145	144868127988	44006001	Phạm Duy Khánh	281177520	20/05/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	20.75
146	136282316072	34005655	Đặng Văn Quốc Hiền	206266166	01/05/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	20.5
147	137719193786	39004164	Đào Anh Kỳ	221480067	25/09/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	20.5
148	143887743900	39000126	Nguyễn Trần Khả	221472572	20/11/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	20.25
149	140847216774	45002409	Phạm Ngọc Vinh	264490501	25/12/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	20.25
150	137927740586	56007368	Trương Châu Hiệu	321711571	20/11/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	20
151	139508351272	53012233	Trần Khánh An	312388318	15/08/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	20
152	135516240750	43000788	Tô Duy Tân	285772553	31/12/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	19.75
153	147794967536	02059382	Nguyễn Quang Phúc	026056146	10/09/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	19.75
154	143818887792	02027912	Trần Phạm Thanh Phương	187708482	12/10/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	19.75
155	135229228464	37014555	Nguyễn Tiến Khoa	215540434	18/12/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	19.75
156	135227514608	02065310	Nguyễn Văn Thành	251034370	10/10/1995	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	19.75
157	135100514964	02019407	Nguyễn Tân Thuận	025924480	15/01/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	19.5
158	145309415978	02003183	Phạm Tiến Đạt	026074403	05/11/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	19
159	133555953294	39003733	Nguyễn Văn Diễm	221474553	15/02/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	19
160	142092057680	29026037	Vương Thế Đức	187842530	25/04/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	18.75
161	142354615120	40002996	Trần Thế Sơn	241856234	09/04/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	18.5
162	137745259484	63005586	Nguyễn Văn Trường	245313228	04/08/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	18.25
163	135533583090	02067202	Chu Minh Sơn	082098000039	30/12/1998	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	17.75
164	134755937120	02063640	Nguyễn Minh Duy	025671058	27/06/1998	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	17.75
165	133704688330	39004162	Lương Công Kỳ	221480107	10/02/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	17.75
166	142886499014	35002609	Đỗ Trịnh Hoàng Huy	212586853	11/08/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	17.75
167	137679538496	47010784	Nguyễn Phước Vinh	261513938	12/10/1998	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	17.5
168	142521056078	42011328	Trần Thanh Bảo	251229657	23/12/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	17.5
169	135794383278	39008127	Lê Quang Tùng	221474681	02/10/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	17.25
170	137403085020	43000424	Nguyễn Thạch Biển	285696708	23/03/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	17.25
171	137252861400	02011713	Nguyễn Tuấn Đức	245352678	15/05/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	17
172	141073759604	35003942	Bùi Vạn Đạt	212580960	26/11/1998	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	17
173	135019954230	02068376	Trần Quang Minh	371705717	25/11/1996	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	17
174	136353412926	35007991	Bùi Mạnh Hùng	212463913	23/10/1999	52520122	Kỹ thuật tàu thủy	17

BAN THƯ KÝ HĐTS